

Số: 174 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 23 tháng 6 năm 2022

## BÁO CÁO

### Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 Khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 483/UBND-CSĐT ngày 04/4/2022 của Ủy ban Dân tộc đề nghị báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 Khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 (Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2022, cụ thể như sau:

## I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

### 1. Khái quát tình hình vùng dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước

Bình Phước là một tỉnh miền núi thuộc miền Đông Nam bộ, có diện tích tự nhiên là 6.876,76 km<sup>2</sup>; phía Đông giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông và tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và có đường biên giới dài 258,939km với Vương quốc Campuchia; có 11 huyện, thị xã, thành phố với 111 xã, phường, thị trấn, trong đó có 15 xã biên giới; có 06 xã An toàn khu và 01 huyện thuộc vùng An toàn khu.

- Giai đoạn 2012 - 2015 tỉnh có 107 xã, phường, thị trấn thuộc ba khu vực III, II, I vùng dân tộc thiểu số và miền núi<sup>1</sup> trong đó có 76 xã khu vực I, 22 xã khu vực II, 09 xã khu vực III và 30 thôn đặc biệt khó khăn; 38 xã thuộc vùng khó khăn<sup>2</sup>.

- Giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh có 107 xã, phường, thị trấn thuộc ba khu vực III, II, I vùng (DTTS&MN)<sup>3</sup> và có 10 xã, 51 thôn đặc biệt khó khăn thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; có 28 xã thuộc vùng khó khăn<sup>4</sup>.

- Giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh có 58 xã, phường, thị trấn thuộc ba khu vực III, II, I vùng DTTS và miền núi trong đó có 50 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 05 xã khu vực III và 46 thôn đặc biệt khó khăn<sup>5</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

<sup>2</sup> Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>3</sup> Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>4</sup> Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>5</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Dân số toàn tỉnh tính đến cuối năm 2021 là 1.011.076 người, có 40 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS), với 198.884 người, chiếm 19,67% dân số toàn tỉnh<sup>6</sup>, các dân tộc cư trú đan xen trên địa bàn toàn tỉnh và tập trung chủ yếu ở vùng giáp ranh các tỉnh Tây Nguyên, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái.

## **2. Đánh giá tình hình tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết**

Quán triệt các nội dung chỉ đạo của Chính phủ trong Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo, giao các ngành, địa phương căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 thông qua nhiều hình thức khác nhau, như: qua đường văn bản của cơ quan hành chính (công văn, kế hoạch, quyết định...), qua hệ thống cơ quan truyền thông (Báo, Đài Phát thanh - Truyền hình, Bản tin Dân tộc thiểu số và Miền núi tỉnh, Công/Trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh...), qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho các cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; qua các Hội nghị tuyên truyền cung cấp thông tin, phổ biến pháp luật cho Già làng, Người có uy tín, cán bộ thôn ấp có đông đồng bào DTTS...

Đồng thời để việc xây dựng kế hoạch, lồng ghép tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện các chính sách xã hội trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn được đồng bộ, thống nhất đạt hiệu quả cao và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, hàng năm UBND tỉnh đều ban hành các Kế hoạch triển khai công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, để làm cơ sở cho các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện, cũng như trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

### **3.1 Về việc làm, thu nhập và giảm nghèo cho đồng bào DTTS**

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo được tỉnh quan tâm triển khai, thực hiện thông qua tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tư vấn nghề, giới thiệu việc làm hằng năm đã tạo điều kiện cho người lao động trong đó có lao động là người dân tộc thiểu số có nhu cầu tìm việc, gỡ gỡ, trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp, giúp người lao động có nhu cầu việc làm

<sup>6</sup> Kinh 812.192 người, S'Tiêng 98.243 người, Mnông 11.058 người, Khmer 19.633 người, Tày 25.271 người, Nùng 24.311 người, Hoa 8.181, Mường 3.340 người, Thái 1.561 người, Dao 3.155 người, Mông 836 người, Sán Chay 793 người, Chăm 649 người, khác 1.853 người.

có cơ hội tìm được việc làm và chủ động hơn trong việc tiếp cận thị trường lao động... kết quả:

- Trong giai đoạn 2011 - 2015 toàn tỉnh thực hiện: Đào tạo nghề cho 39.241 người, trong đó có 9.984 người dân tộc thiểu số; giải quyết việc làm cho gần 172.644 lao động, trong đó có 33.106 người dân tộc thiểu số; duy trì tỷ lệ thất nghiệp thành thị ở mức  $\leq 3,5\%$  và tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn ở mức 40% vào cuối năm 2015; nâng mức GRDP bình quân đầu người từ 38 triệu đồng/người/năm vào năm 2012 lên mức 39,8 triệu đồng/người/năm vào năm 2015. Thực hiện giảm được 13.254 hộ nghèo (theo chuẩn quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ), đưa tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 9,29% (20.498 hộ) đầu năm 2011 xuống còn 2,96% (7.224 hộ) vào cuối năm 2015. Trong đó hộ nghèo người dân tộc thiểu số giảm 5.044 hộ (8.519 hộ xuống còn 3.479 hộ).

- Trong giai đoạn 2015 - 2020 toàn tỉnh thực hiện: Đào tạo nghề cho 46.098 người; giải quyết việc làm cho gần 203.000 lao động; duy trì tỷ lệ thất nghiệp thành thị ở mức  $\leq 3\%$  và tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn ở mức 90% vào cuối năm 2020, đưa tổng GRDP bình quân đầu người tăng lên mức 67,3 triệu đồng/người/năm (gấp 1,54 lần so với năm 2015).

Trong giai đoạn 2016 - 2020 toàn tỉnh đã giảm được 11.059 hộ nghèo (theo chuẩn nghèo được áp dụng theo quy định tại Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ), đưa tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 6,15% (14.627 hộ) đầu năm 2016 xuống còn 1,34% (3.568 hộ) vào cuối năm 2020, trong đó hộ nghèo người dân tộc thiểu số giảm 4.505 hộ (từ 6.308 hộ xuống còn 1.803 hộ nghèo DTTS).

### **3.2 Bảo hiểm xã hội cho người lao động, người dân tộc thiểu số**

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân thường xuyên được quan tâm. Hạ tầng và trang thiết bị y tế được củng cố, đầu tư, đã nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 lên 600 giường. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục được nâng cao, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 28,5 giường; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 8,5 bác sĩ; tỷ lệ trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia là 85,6% và trạm y tế có bác sĩ đạt 84%.

Các hoạt động truyền thông chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; y tế dự phòng tiếp tục được triển khai rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh góp phần bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, đồng thời nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế từ 73,8% năm 2016 lên 90% vào năm 2020, trong đó:

- Giai đoạn 2013 - 2015 đã thực hiện hỗ trợ mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 214.618 lượt người dân sinh sống ở các xã thuộc vùng khó khăn với tổng kinh phí là 174,8 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2016 – 2020 đã thực hiện hỗ trợ mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 341.257 lượt người dân sinh sống ở các xã thuộc vùng khó khăn với tổng kinh phí là 214,119 tỷ đồng.

- Trong năm 2021 đã thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 21.503 người DTTS sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và 42.821 lượt người dân sinh sống ở thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, trong 02 năm 2020, 2021 thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn đã thực hiện hỗ trợ thêm kinh phí mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 13.548 hộ cận nghèo và 83.159 hộ gia đình nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (trong đó có 52.080 hộ người DTTS) với tổng kinh phí hỗ trợ trên 6,5 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh góp phần nâng tỷ lệ che phủ bảo hiểm y tế lên 92% vào năm 2021.

### **3.3 Giáo dục tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi**

Tính đến cuối năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 265 trường phổ thông (123 trường tiểu học, 107 trường THCS, 35 trường THPT) với 6.286 lớp, 201.387 học sinh, trong đó có 37.263 học sinh người DTTS (chiếm 18,1% tổng số học sinh); 11.424 cán bộ quản lý, giáo viên, trong đó có 706 cán bộ, giáo viên người DTTS (tương đương gần 6,2% tổng số cán bộ giáo viên hiện có).

Về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho con em DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tiếp tục duy trì; công tác vận động, tuyên truyền học sinh DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được các cấp chính quyền, các nhà tài trợ quan tâm, hỗ trợ tiếp sức cho con em đến trường. Có 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phổ cập trung học cơ sở, tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

Hệ thống trường dân tộc nội trú: tỉnh có 07 trường Dân tộc nội trú (01 THPT, 02 trường THCS - THPT, 04 trường THCS); năm học 2020-2021 có 1.968 học sinh theo học với 300 cán bộ nhân viên. Công tác tuyển sinh được tỉnh quan tâm thực hiện đảm bảo tỷ lệ của từng thành phần dân tộc thiểu số theo từng địa bàn, riêng đối với học sinh cấp Trung học phổ thông được tuyển sinh toàn tỉnh, không phân chia vùng nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người DTTS cho tỉnh. Tỷ lệ học sinh các Trường DTNT tỉnh năm học 2019-2020 lên lớp đạt trên 99%; tỷ lệ tốt nghiệp THCS & PTTH đạt 100%. Theo báo cáo của các ngành, địa phương tính đến thời điểm cuối năm 2017, tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi 15-35 tuổi (mức độ 1) biết chữ là 93%; độ tuổi từ 15-60 tuổi (mức độ 2) là 67,1%. Tổng số xã phường đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 là 100%, mức độ 2 là 52,3% (58/111 xã, phường, thị trấn).

Việc tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) và học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo các chính sách của Trung ương được tỉnh triển khai thực hiện đầy đủ đã tác động tích cực đến địa phương, nhà trường, phụ huynh và học sinh, nhất là CBQL, GV, NV và học sinh ở các trường Phổ thông dân tộc nội trú; đã tạo điều kiện cho con

em thuộc các hộ nghèo, cận nghèo và gia đình khó khăn có điều kiện tiếp tục học, hạn chế tình trạng bỏ học; tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tạo chuyển biến tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng biên giới với các vùng phát triển trên địa bàn tỉnh.

Cùng với các chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù cho học sinh, sinh viên như: sách hỗ trợ sinh hoạt phí, tiền tàu xe,... cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang theo học hệ tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Kết quả trong giai đoạn 2016 - 2020 đã thực hiện hỗ trợ cho 70 lượt sinh viên DTTS với tổng kinh phí trên 367,508 triệu đồng. Trên cơ sở kết quả đạt được, hiện nay ngoài đối tượng sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh đã thực hiện mở rộng chính sách hỗ trợ cho sinh viên người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên tại các xã biên giới của tỉnh và các xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước; chính sách hỗ trợ học sinh người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước... nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp người dân ở vùng đồng bào DTTS từng bước tiếp cận, nâng cao và thu hẹp khoảng cách mặt bằng dân trí với các khu vực khác trên địa bàn.

### **3.4 Chính sách hỗ trợ nhà ở, nước sạch tại vùng DTTS và miền núi**

- Thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg, trong giai đoạn năm 2016 - 2017 tỉnh được phân bổ kinh phí là 46.657 triệu đồng (ngân sách Trung ương: 36.060 triệu đồng; ngân sách địa phương: 13.720 triệu đồng) thực hiện được 09 dự án, ổn định cho 681 hộ, trong đó đã nâng cấp láng nhựa 18km và 02 công trình đường giao thông nông thôn tại 04 dự án (xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh; thôn 8, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng; ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú; xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập). Đồng thời lồng ghép các nguồn lực triển khai thực hiện có hiệu quả sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, vận động hỗ trợ xây dựng 1.857 căn nhà cho người nghèo; hỗ trợ xây dựng 1.181 căn nhà theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, từ đó giúp người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo có mái nhà ổn định cuộc sống, từng bước an cư lạc nghiệp, phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong nhân dân.

- Kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Hệ thống thủy lợi và cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh được quan tâm đầu tư nâng cấp, cùng với các chương trình chính sách hỗ trợ nguồn nước sinh hoạt phân tán, đã cơ bản đảm bảo phục vụ nước sinh hoạt cho người dân toàn tỉnh, cung cấp nguồn nước tưới phục vụ cho các vùng chuyên canh nông nghiệp. Kết quả có 98% dân số nông thôn và 99% dân số đô thị sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

### **3.5 Thông tin truyền thông tại vùng DTTS và miền núi**

Công tác tuyên truyền, vận động trong vùng DTTS luôn được chú trọng, chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua các hoạt động định hướng cho các cơ quan báo chí, các Phòng Văn hóa - Thông tin và các Đài truyền thanh - Truyền hình đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, đặc biệt là tuyên truyền đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với nội dung phù hợp với từng điều kiện cụ thể của địa phương. đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước hướng tới xây dựng chính quyền điện tử, đặc biệt thời gian qua tỉnh tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4...

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình Mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở, thông qua các hoạt động tập huấn cho cán bộ truyền thanh cơ sở, cán bộ thôn, ấp, trong giai đoạn 2017 – 2020 đã thực hiện tập huấn cho 438 lượt người, tổ chức tuyên truyền 17.000 ấn phẩm tuyên truyền số hóa truyền dẫn, phát sóng và phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình đến với các hộ nghèo, cận nghèo; sản xuất, phát sóng 133 chương trình truyền hình chuyên mục “*Giảm nghèo về thông tin*”; 16 chương trình phát thanh nhằm tăng cường thông tin tuyên truyền, hỗ trợ các hộ là đồng bào dân tộc thiểu số... hỗ trợ 5.882 chảo thu vệ tinh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Tăng cường và nâng cao chất lượng truyền thông từ đó giúp người dân tiếp cận được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng sử dụng ngôn ngữ dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua việc sản xuất, phát sóng 02 chuyên mục tiếng dân tộc S'tiêng và tiếng dân tộc Khmer với theo định kỳ hàng tuần và tổ chức Hội thảo khoa học nâng cao chất lượng phát sóng chuyên mục tiếng dân tộc S'tiêng trên Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Bình Phước với sự tham gia của nhiều giáo sư, tiến sĩ đầu ngành của Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cùng với các học giả, trí thức người dân tộc S'tiêng trên địa bàn tỉnh.

## **4. Đánh giá khái quát kết quả, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **a) Kết quả**

Xác định rõ chính sách xã hội chăm lo tốt cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên phải thực hiện; đặt con người vào trung tâm chính sách; phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, “tương thân, tương ái” của dân tộc.

Trong những năm qua đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp luôn quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội trong vùng DTTS. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 Khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020 đã đạt được nhiều kết quả quan trọng khi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đại hội đảng

các nhiệm kỳ đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm; kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, điện, trường học, trạm y tế được quan tâm đầu tư xây dựng; đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt, nhà sinh hoạt cộng đồng được quan tâm giải quyết. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe đồng bào có chuyển biến tích cực. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, kiện toàn, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, chính sách dân tộc thực hiện đạt kết quả. Quốc phòng an ninh ở vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới được tăng cường. Đồng bào dân tộc tin tưởng, phấn khởi trước sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, đoàn kết theo Đảng, tích cực lao động sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở vùng dân tộc, vùng biên giới.

### **b) Khó khăn, tồn tại**

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những bất cập trong triển khai thực hiện nhiệm vụ ở địa phương do việc thực hiện các chính sách xã hội có liên quan đến hầu hết các ngành, lĩnh vực trên địa bàn nhưng Thông tư hướng dẫn thực hiện của Bộ ngành Trung ương chậm ban hành, khi ban hành triển khai không thông tin đến cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi ở địa phương dẫn đến công tác phối hợp thực hiện còn gặp nhiều khó khăn.

Nhận thức của một số ngành, địa phương về vai trò, vị trí chính sách xã hội nói chung và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng trong quá trình phát triển của địa phương chưa thật sự sâu sắc, đầy đủ. Công tác tuyên truyền các chính sách xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi có lúc có nơi chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, với đặc thù là tỉnh miền núi, biên giới còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, người dân chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất, thu nhập từ ngành nông nghiệp, trong khi thời gian qua giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh không ổn định, thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng giảm năng suất nhiều loại cây trồng, dẫn đến thu nhập, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn còn nhiều khó khăn thách thức, khi tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao và chiếm gần 50% tổng hộ nghèo của tỉnh, do đó việc thực hiện các chỉ tiêu chính sách xã hội nhất là các chỉ tiêu về y tế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm trong vùng dân tộc thiểu số của tỉnh còn hạn chế.

### **c) Nguyên nhân**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong vùng DTTS còn chậm so với mặt bằng chung của tỉnh, sự chuyên dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, phát triển chưa bền vững; Cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng DTTS còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

Mức trợ cấp xã hội và chất lượng an sinh xã hội còn thấp, việc thực hiện các chính sách xã hội còn dàn trải, nguồn lực thực hiện còn hạn chế.

Việc quản lý chính sách xã hội chưa theo kịp xu hướng phát triển của đất nước. Công tác phối hợp giữa cơ quan chuyên môn về thực hiện nhiệm vụ được giao trong vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế nhất là trong công tác cung cấp thông tin số liệu về kết quả thực hiện trong vùng DTTS & MN cũng như kết quả thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng là người DTTS để làm cơ sở hoạch định các chính sách có liên quan đến vùng dân tộc thiểu số.

#### **d) Bài học kinh nghiệm**

- Tăng cường công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác dân tộc, việc triển khai thực hiện các chính sách xã hội trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải dân chủ, khách quan, thống nhất và đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở gắn với việc làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân cùng tham gia; thực hiện đúng nguyên tắc “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là đối với người dân tộc thiểu số phải thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức. Đồng thời tăng cường thực hiện việc tranh thủ, phát huy vai trò các già làng tiêu biểu và Người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS để làm cầu nối giữa Đảng, cơ quan, đoàn thể trong vận động Nhân dân thực hiện có hiệu quả các phong trào hành động cách mạng, trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững vùng DTTS.

- Công tác chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện phải được thực hiện thường xuyên để xử lý, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện ở cơ sở.

## **II. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

### **1. Bối cảnh thực tế**

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn nói chung vẫn là địa bàn còn nhiều khó khăn, khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống của đồng bào so với khu vực trung tâm, thị trấn, thị xã và các vùng khác còn ở mức chênh lệch lớn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn thiếu và yếu kém, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, những biến động bất lợi về giá cả nông sản chủ đạo trên địa bàn tỉnh, thiên tai, mất mùa, dịch bệnh là những vấn đề ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhiều vấn đề nổi cộm đang đặt ra như tình trạng xâm canh lấn chiếm đất lâm nghiệp, phá rừng, di cư tự do, thiếu đất sản xuất, nghèo đói, cho vay lãi nặng, cầm cố sang nhượng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn sau quy hoạch 3 loại rừng và vấn đề về việc làm, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí... cần phải được tập trung giải quyết triệt để trong thời gian tới.



Mặt khác, các thế lực thù địch tiếp tục tuyên truyền, xúi giục, kích động, sử dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để gây “bạo loạn lật đổ”, thực hiện chiến lược âm mưu “diễn biến hòa bình”, nhằm chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta, dẫn đến tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định về an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## 2. Quan điểm, mục tiêu

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020. Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm, hành động của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân về chính sách xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện.

- Rút ngắn khoảng cách tiếp cận, sử dụng, thụ hưởng các dịch vụ xã hội giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng phát triển.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội, đảm bảo quyền an sinh xã hội của người dân, thực hiện tốt phong trào Đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người có công. Thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững. Người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế được hỗ trợ kịp thời. Cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Thực hiện xã hội hóa chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội từng bước đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người dân về thu nhập, nhà ở, giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước sinh hoạt,... từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc cho người dân.

## 3. Nhiệm vụ, giải pháp

- Chỉ đạo quán triệt, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị; nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên về trách nhiệm thực hiện chính sách xã hội; xác định rõ chính sách xã hội chăm lo tốt cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên phải thực hiện; đặt con người vào trung tâm chính sách, phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, tương thân, tương ái” của dân tộc.

- Nghiên cứu thực hiện cụ thể hóa các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chính sách xã hội trong vùng đồng bào DTTS & MN của tỉnh,



gắn với việc hoạch định các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và việc tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo hướng bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, trong đó có các nội dung về chính sách xã hội.

- Tổ chức tốt các hoạt động tham vấn, phát huy vai trò, tính chủ động tham gia của mặt trận, đoàn thể các cấp và người dân trong xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách xã hội trong vùng DTTS & MN.

- Đảm bảo cân đối nguồn kinh phí tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về chính sách về xã hội nhất là: Chính sách ưu đãi người có công; chính sách giảm nghèo, bảo trợ xã hội; lao động - việc làm; bảo hiểm xã hội; giáo dục, y tế; nhà ở tối thiểu; nước sạch; thông tin.

- Chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực trong việc giải quyết, thực hiện chính sách xã hội đối với người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Trên đây báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2012 đến năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo Ủy ban Dân tộc xem xét./.

**Nơi nhận:**

- UBNDT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các P.CT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, Phòng KGVX, KTTH;
- Lưu: VT.



**Trần Tuệ Hiền**